

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH THƯỢNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/DS-ST

Ngày 14/7/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng góp họ (hụi)”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG -TỈNH KIÊN GIANG**

**- Với tHnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lư Quốc Thịnh.**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Ông **Phạm Duy Tân.**

2- Bà **H Thị Lệ Thi.**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Út Sang.** Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:** không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 25/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp họ (hụi)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXX-ST ngày 10 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2021/QĐST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa ngày 01 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Mộng Q**, sinh năm 1985. ( Có mặt)

2. Bị đơn: Vợ chồng chị **Trần Thị H**, sinh năm 1974 và anh **Nguyễn Sĩ H**, sinh năm 1968. ( Chị H có mặt, anh H vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện U, tỉnh KG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2021 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mộng Q trình bày và yêu cầu như sau:

Do là chỗ quen biết tình nghĩa chơi thân với nhau đã nhiều năm nên trong năm 2017, vợ chồng chị H và anh H có tổ chức chơi hụi và rủ chị tham gia, chị đồng ý

tham gia đây hội áp ngày 06/6/2017, hội 5.000.000 đồng, gồm có 26 hội viên, hội một tháng xổ một lần vào ngày 06 hàng tháng, chị tham gia một phần tính đến ngày 06/02/2019 là mảng hội.

Trong quá trình chơi hội, chị đóng hội đến lần thứ 10 thì vợ chồng chị H, anh H tuyên bố đình hội nhưng không trả tiền lại cho chị. Khi chị đến đòi nhiều lần thì chị H có trả cho chị được số tiền 6.000.000 đồng thì không trả nữa.

Chị yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, ngày 21/5/2020 chị H cam kết còn nợ lại tôi số tiền 44.000.000 đồng, mỗi tháng trả 500.000 đồng vào ngày 15 Hng tháng nhưng sau đó vợ chồng chị H, anh H chỉ trả cho chị được 6 tháng với số tiền là 3.000.000 đồng thì không trả nữa.

Theo nội dung khởi kiện, chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị Trần Thị H, anh Nguyễn Sĩ H có trách nhiệm trả số tiền hội nợ chị là 41.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng).

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, chị xác định chỉ yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng chị Trần Thị H, anh Nguyễn Sĩ H có trách nhiệm trả số tiền hội còn nợ chị là 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng).

*Bị đơn chị Trần Thị H trình bày:* Về số tiền hội còn nợ là 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng) thì chị H thừa nhận là đúng như chị Q trình bày. Tuy nhiên, về thời gian trả nợ theo yêu cầu của chị Q thì chị không có khả năng trả, vì hiện tại hoàn cảnh kinh tế gia đình chị rất khó khăn. Chị H đề nghị trả số tiền nợ hội trên trong thời gian là 01 năm, chia làm làm 04 kỳ.

*Đối với bị đơn anh Nguyễn Sĩ H:* Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh H vẫn vắng mặt không đến tham gia giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến trình bày.

*Tại phiên tòa hôm nay:*

Chị Huỳnh Thị Mộng Q yêu cầu chị Trần Thị H trả số tiền hội còn nợ 37.000.000đ trên trong thời gian là 08 tháng.

Về trách nhiệm trả nợ: Chị Q chỉ yêu cầu chị H có trách nhiệm trả số tiền nợ này mà không yêu cầu anh Nguyễn Sĩ H phải cùng có trách nhiệm trả số nợ nêu trên, vì cho rằng khi tham gia chơi hội cũng như giao nhận tiền thì chỉ có chị và H giao dịch với nhau, anh H không có tham gia.

Chị Trần Thị H yêu cầu được trả số tiền nợ hội 37.000.000đ trong thời gian là 10 tháng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Xét mối quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng góp họ (hụi), bị đơn có nơi cư trú trên địa phận Hnh chính của huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ Điều 26 và các điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Q đối với chị H, anh H thì đây là tranh chấp về hợp đồng góp họ, giao dịch trên được xác lập từ tháng 6 năm 2017 được điều chỉnh theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn anh Nguyễn Sĩ H được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Nguyễn Sĩ H.

[4] Về nội dung vụ án: Chị Huỳnh Thị Mộng Q yêu cầu giải quyết buộc chị Trần Thị H trả lại cho chị số tiền còn nợ từ việc tham gia chơi hụi là 37.000.000đ và không yêu cầu anh Nguyễn Sĩ H phải có trách cùng trả nợ với chị H.

Xét yêu cầu của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời thừa nhận của bị đơn chị Trần Thị H, HĐXX thấy rằng:

Trong năm 2017, chị Huỳnh Thị Mộng Q có tham gia chơi hụi tháng do chị Trần Thị H làm chủ. Trong quá trình chơi hụi chị H tuyên bố đình hụi và đến nay còn nợ lại chị Q số tiền 37.000.000 đồng chưa trả.

Trong qua trình giải quyết vụ án, chị Q và chị H đều thừa nhận sự việc nêu trên nhưng về thời gian thanh toán các bên không thỏa thuận được với nhau. Mặc dù, HĐXX đã động viên hai bên cố gắng tạo điều kiện để thỏa thuận với nhau nhưng chị Q và chị H đều vẫn giữ ý kiến của mình, cụ thể: Chị Q yêu cầu chị H thanh toán số tiền nợ trên trong thời gian là 08 tháng, kể từ ngày xét xử còn chị H đề nghị được trả nợ trong thời gian là 10 tháng.

Do các đương sự không tự thỏa thuận về thời gian thanh toán số tiền hụi nên HĐXX không thể công nhận sự thỏa thuận của các bên, đồng thời cũng không thể buộc chị H trả cho chị Q số tiền nợ hụi theo thời gian mà chị Q yêu cầu, cũng như là không chấp nhận theo ý kiến của chị H là thanh toán cho chị Q số tiền hụi trong thời gian 10 tháng.

Vì theo quy định của pháp luật hiện hành thì nếu như các bên đã thống nhất xác định được số lượng nợ với nhau mà không thỏa thuận được thời gian thanh toán thì Tòa án chỉ giải quyết buộc người nào phải trả cho người khác tiền hay hiện vật khác số lượng là bao nhiêu chứ không thể buộc trả vào thời điểm nào.

Do đó, HĐXX ghi nhận số tiền nợ giữa các bên để buộc chị H trả cho chị Q số tiền là 37.000.000 đồng, khi nào bản án có hiệu lực pháp luật thì các bên căn cứ vào bản án để thực hiện yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật.

Chị Huỳnh Thị Mộng Q không yêu cầu anh Nguyễn Sĩ H phải cùng có trách nhiệm với chị H trả số tiền trên cho chị nên HĐXX ghi nhận và không đề cập xem xét trách nhiệm trả nợ của anh Nguyễn Sĩ H.

Từ những chứng cứ và nhận định nêu trên, qua trao đổi thảo luận HĐXX thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mộng Q đối với chị Trần Thị H.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên chị Trần Thị H phải chịu toàn bộ án phí vụ án theo quy định của pháp luật.

Chị Huỳnh Thị Mộng Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.025.000đ (Một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000662 ngày 15/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Mộng Q đối với chị Trần Thị H về việc tranh chấp hợp đồng góp họ (hụi).

Buộc chị Trần Thị H trả cho chị Huỳnh Thị Mộng Q số tiền hụi còn nợ là 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chi Trần Thị H phải chịu án phí sơ thẩm là  $37.000.000đ \times 5\% = 1.850.000đ$  (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Chi Huỳnh Thị Mộng Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.025.000đ (Một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000662 ngày 15/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

3. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn chi Q, bị đơn chi H, báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14/7/2021). Đối với bị đơn anh Nguyễn Sĩ H vắng mặt, có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện cùng cấp;
- THADS huyện cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lư Quốc Thịnh**